

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST.

Ngày: 30/3/2022.

“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Bùi Văn Thắng.

2/. Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST- DS, ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TH, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Ngô Hữu P, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc G, nhân viên Công ty (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Danh Thanh H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, địa chỉ: Số, đường NT, khóm 3, phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Danh Thị Hồng D, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Phan Minh K, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ..., xã LT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp NH, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Mã Hòa K, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã LH, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/8/2020, nguyên đơn Công ty TNHH MTV TP (gọi tắt là Công ty TP) trình bày:

Nguyên trước đây từ năm 2015, Công ty TP có giao dịch mua bán lúa và bao tiêu sản phẩm lúa với ông Danh Thanh H. Công ty có cho ông Hương tạm ứng tiền đặt cọc mua lúa rồi thanh toán sau, đến ngày 24/5/2018 hai bên có làm giấy xác nhận ông Hương còn nợ Công ty số tiền 3.484.100.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng), hai bên thỏa thuận đến ngày 09/6/2018 ông Hương sẽ thanh toán số tiền này cho Công ty. Sau đó, giữa Công ty và ông Hương vẫn tiếp tục làm ăn với nhau, đến năm 2020 thì ông Hương không còn giao dịch mua bán với Công ty nữa và cũng không thanh toán số tiền nợ nêu trên. Vì vậy, Công ty TP khởi kiện buộc vợ chồng ông Danh Thanh H, bà Danh Thị Hồng D có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền nợ 3.484.100.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty TP xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền yêu cầu ông Danh Thanh H, bà Danh Thị Hồng D có nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Công ty đồng ý khấu trừ các khoản tiền mà Công ty chưa thanh toán cho ông Hương là: Tiền nợ một ghe lúa 102.112.000 đồng + tiền bao cho nông dân thu hoạch lúa 50.000.000 đồng + tiền hoa hồng cho ông Hương 435.000.000 đồng. Sau khi trừ các khoản tiền nêu trên, Công ty yêu cầu vợ chồng ông Hương phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 2.896.988.000 đồng (hai tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Theo đơn phản tố lập ngày 18/5/2021 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Danh Thanh H trình bày:

Ông Danh Thanh H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty TP, vì ông không có nợ Công ty số tiền 3.484.100.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng). Trước đây, ông làm việc với Công ty tại khu vực Sóc Trăng, nên

Công ty có yêu cầu ông ký xác nhận tại khu vực Sóc Trăng còn nợ Công ty số tiền là 3.484.100.000 đồng, trong đó bao gồm: Ông Mã Hòa K nợ Công ty là 1.179.436.000 đồng, ông Phan Minh K nợ Công ty là 1.031.100.000 đồng, ông Nguyễn Trung N nợ Công ty là 728.174.000 đồng, phía Công ty đều có biên bản xác nhận nợ với ông Khá, ông Khang và ông Nghĩa.

Ngoài ra, Công ty còn nợ ông các khoản tiền sau: Tiền 01 ghe lúa chưa thanh toán là 102.112.000 đồng, tiền bao dần cọc cho nông dân 50.000.000 đồng, tiền hoa hồng mua lúa phải trả cho ông là 435.000.000 đồng.

Nay ông phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mã Hòa K trả nợ cho Công ty số tiền 1.179.436.000 đồng, buộc ông Phan Minh K trả nợ cho Công ty là 1.031.100.000 đồng, buộc ông Nguyễn Trung N trả nợ cho Công ty là 728.174.000 đồng; phần nợ còn lại của Công ty là 545.390.000 đồng thì cần trừ vào các khoản tiền Công ty còn thiếu ông chưa thanh toán là 587.112.000 đồng, như vậy Công ty còn phải trả cho ông số tiền là 41.722.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Hòa K trình bày:

Trong số tiền nợ Công ty TP khởi kiện ông Danh Thanh H thì trong đó có bao gồm khoản nợ của ông nợ Công ty là 1.179.436.000 đồng. Lúc đầu, ông giao dịch làm ăn với ông Hương, nhưng sau đó ông Hương và người của Công ty TP có xuống gặp ông thỏa thuận về việc giao dịch mua bán lúa với nông dân. Việc giao dịch mua bán giữa ông và Công ty TP không có xác lập hợp đồng, nhưng khi kết thúc mua vụ thì Công ty có yêu cầu ông ký xác nhận nợ mỗi người giữ 01 bản. Nay ông thống nhất xác nhận còn nợ Công ty TP 1.179.436.000 đồng, khi nào ông thu tiền được của các hộ nông dân thì ông sẽ trả tiền cho Công ty.

Tại biên bản đối chất lập ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh K trình bày:

Ông xác nhận có nợ ông Danh Thanh H số tiền 1.031.100.000 đồng, đây là tiền ông nhận lúa giống và tiền cọc của ông Hương để giao lại cho nông dân, nhưng nay ông chưa thu được tiền từ nông dân nên chưa trả nợ cho Hương, khi nào ông thu hồi được nợ sẽ thanh toán số tiền nợ nêu trên cho ông Hương.

Tại biên bản đối chất lập ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung N trình bày:

Ông xác nhận có nợ ông Danh Thanh H số tiền 728.174.000 đồng, đây là tiền ông nhận lúa giống và tiền cọc của ông Hương để giao lại cho nông dân, nhưng trước đây ông có chuyển tiền cho Công ty TP 65.500.000 đồng, cần trừ ông chỉ còn nợ ông Hương số tiền 662.674.000 đồng, khi nào ông thu hồi được nợ sẽ thanh toán số tiền nợ nêu trên cho ông Hương.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 30/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh Thị Hồng D trình bày:

Bà là vợ ông Danh Thanh H, nguồn thu nhập của gia đình bà là kinh doanh mua bán lúa là chính, ngoài ra còn nguồn phụ từ canh tác nông nghiệp. Công việc chính của bà là làm công việc nội trợ trong gia đình, còn việc làm ăn kinh doanh mua bán là do chồng bà đứng ra thực hiện, do vậy việc giao dịch mua bán và thiếu nợ Công ty TP bà hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc ông Mã Hòa K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TP số tiền 1.179.436.000 đồng; buộc ông Phan Minh K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TP là 1.031.100.000 đồng; buộc ông Danh Thanh H thanh toán cho Công ty số tiền nợ còn lại 1.273.564.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền Công ty xác nhận còn nợ ông Hương theo đơn phản tố của ông Hương; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hương về việc buộc ông Nguyễn Trung N thanh toán nợ cho Công ty TP số tiền là 728.174.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

Xét về thủ tục tố tụng:

[1]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị Hồng D, ông Mã Hòa K, ông Phan Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Công ty TP xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền yêu cầu ông Danh Thanh H thanh toán là 2.896.988.000 đồng, vì căn trừ các khoản tiền Công ty còn nợ ông Hương thanh toán là 587.112.000 đồng. HĐXX nhận thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS), nên được chấp nhận.

Xét về nội dung vụ án:

[3]. Công ty TP khởi kiện yêu cầu ông Danh Thanh H thanh toán tiền nợ phát sinh từ giao dịch mua bán lúa và bao tiêu lúa với tổng số tiền là 3.484.100.000 đồng,

chứng cứ Công ty cung cấp là “Giấy xác nhận nợ” giữa Công ty và ông Hương xác lập ngày 24/5/2018. Tuy nhiên, ông Hương không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty và có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu xem xét: Vì trước đây ông làm việc cho Công ty tại khu vực Sóc Trăng nên Công ty đã yêu cầu ông ký xác nhận nợ để biết số nợ phát sinh tại khu vực, thực tế trong số tiền 3.484.100.000 đồng Công ty yêu cầu thanh toán trong đó bao gồm: Ông Mã Hòa K nợ Công ty là 1.179.436.000 đồng, ông Phan Minh K nợ Công ty là 1.031.100.000 đồng, ông Nguyễn Trung N nợ Công ty là 728.174.000 đồng, ông nợ Công ty là 545.390.000 đồng. Do vậy, yêu cầu xem xét trách nhiệm trả nợ của các ông Khá, ông Khang và ông Nghĩa đối với Công ty TP. Công ty TP trình bày chỉ giao dịch mua bán với ông Hương, ngoài ra không có giao dịch mua bán gì với ông Khá, ông Khang và ông Nghĩa nên giữa Công ty với những người này không có phát sinh nợ, do vậy không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hương.

[4]. Qua xem xét giao dịch mua bán phát sinh giữa các bên đều không xác lập hợp đồng bằng văn bản để xác định chủ thể thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm thanh toán, nội dung thực hiện giao dịch các bên chỉ thỏa thuận miệng và kết toán giao dịch bằng biên bản xác nhận nợ. Phía Công ty TP cho rằng chỉ giao dịch mua bán trực tiếp với ông Danh Thanh H và phía ông Hương cũng đã ký xác nhận nợ với Công ty, ngoài ra không giao dịch mua bán liên quan gì với ông Khá, ông Khang, ông Nghĩa và các ông này không có nợ gì đối với Công ty. Tuy nhiên, qua xem xét tài liệu, chứng cứ nhận thấy lời trình bày nêu trên của người đại diện Công ty TP chưa phù hợp với thực tế, vì giữa Công ty TP với ông Mã Hòa K và ông Phan Minh K có ký xác nhận nợ với nhau. Theo lời trình bày của ông Mã Hòa K xác nhận có giao dịch mua bán với Công ty TP và còn nợ Công ty số tiền 1.179.436.000 đồng theo “Giấy xác nhận nợ” các bên đã xác lập ngày 27/5/2018. Đồng thời, qua xem xét “Giấy xác nhận nợ” lập ngày 24/5/2018 giữa Công ty TP và ông Phan Minh K, nội dung thể hiện các bên đối chiếu nợ với nhau đến hết ngày 24/5/2018 ông Khang còn nợ Công ty 1.031.100.000 đồng, ngoài ra trong biên bản xác nhận nợ có người làm chứng là anh Chiêm Văn Luân; theo lời trình bày của anh Luân cho biết: Trước đây anh có chứng kiến anh Khang với người của Công ty ký xác nhận nợ với nhau và anh có ký tên người làm chứng trong giấy xác nhận nợ, nội dung cụ thể giao dịch mua bán và số tiền nợ giữa các bên như thế nào anh không biết rõ, chỉ biết là anh Khang ký xác nhận nợ với Công ty và hứa hẹn thời gian trả. Qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa Công ty TP với ông Mã Hòa K và ông Phan Minh K có giao dịch mua bán với nhau và các bên đã ký xác nhận ông Khá còn nợ Công ty 1.179.436.000 đồng và ông Khang còn nợ Công ty 1.031.100.000 đồng, do vậy yêu cầu phản tố của ông Danh Thanh H là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu phản tố của ông Hương về việc buộc ông Nguyễn Trung N thanh toán nợ cho Công ty TP số tiền là 728.174.000 đồng, nhưng ông chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa Công ty TP và ông Nghĩa có giao dịch mua bán và có kết toán số tiền nợ nêu trên, đồng thời theo ông Nghĩa trình bày là ông có nợ ông Hương và đồng ý trả cho ông Hương số tiền này mà không phải nợ Công ty TP, do vậy yêu cầu phản tố của ông buộc ông Nghĩa thanh toán cho Công ty TP số tiền 728.174.000 đồng là chưa có căn cứ chấp

nhận. Tuy nhiên, về số tiền ông Nghĩa xác nhận có nợ ông Hương nêu trên, nếu giữa các ông có phát sinh tranh chấp về số tiền nợ này thì được quyền khởi kiện giải quyết thành vụ án khác.

[5]. Đối với yêu cầu phản tố của ông Danh Thanh H về việc buộc Công ty TP phải thanh toán các khoản tiền còn nợ ông, bao gồm: Tiền 01 ghe lúa chưa thanh toán là 102.112.000 đồng, tiền bao dẫn cọc cho nông dân 50.000.000 đồng, tiền hoa hồng mua lúa phải trả cho ông là 435.000.000 đồng. Phía Công ty TP xác nhận có nợ ông Hương số tiền nêu trên và đồng ý cân trừ vào khoản nợ mà ông Hương còn thiếu Công ty. Nay Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán nợ của các bên cho Công ty TP như sau: Số tiền ông Danh Thanh H nợ Công ty TP là 1.273.564.000 đồng, cân trừ số tiền Công ty còn nợ ông Hương là 587.112.000 đồng, như vậy ông Hương có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TP số tiền nợ còn lại là 686.452.000 đồng; số tiền ông Mã Hòa K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TP là 1.179.436.000 đồng; số tiền ông Phan Minh K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TP là 1.031.100.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Công ty TP phải chịu án phí một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền là 76.210.700 đồng (bảy mươi sáu triệu, hai trăm mười ngàn, bảy trăm đồng), ông Danh Thanh H phải chịu án phí một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận với số tiền là 33.126.900 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, chín trăm đồng), ông Mã Hòa K phải chịu án phí với số tiền 47.383.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn đồng), ông Phan Minh K phải chịu án phí với số tiền 42.933.000 đồng (bốn mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[7]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 288 và khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP:

Buộc ông Danh Thanh H và bà Danh Thị Hồng D cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP số tiền 686.452.000 đồng (sáu trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP buộc ông Danh Thanh H và bà Danh Thị Hồng D thanh toán số tiền còn lại là 2.210.536.000 đồng (hai tỷ, hai trăm mười triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Danh Thanh H:

Buộc ông Mã Hòa K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP số tiền 1.179.436.000 đồng (một tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Buộc ông Phan Minh K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP số tiền 1.031.100.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi một triệu, một trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Danh Thanh H về việc buộc ông Nguyễn Trung N thanh toán nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP số tiền là 728.174.000 đồng (bảy trăm hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

3/ Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP có đơn yêu cầu thi hành án, thì những người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ông Danh Thanh H, bà Danh Thị Hồng D, ông Mã Hòa K và ông Phan Minh K, còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TP phải chịu án phí với số tiền 76.210.700 đồng (bảy mươi sáu triệu, hai trăm mười ngàn, bảy trăm đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.840.000 đồng (năm mươi triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003597 ngày 28/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, Công ty có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 25.370.700 đồng (hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm đồng).

Ông Danh Thanh H phải chịu án phí với số tiền 33.126.900 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, chín trăm đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.343.000 đồng (một triệu, ba trăm bốn mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007790 ngày 01/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, ông Hương có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 31.783.900 đồng (ba mươi một triệu, bảy trăm tám mươi ba ngàn, chín trăm đồng).

Ông Mã Hòa K phải chịu án phí với số tiền 47.383.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn đồng), ông Khá có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Ông Phan Minh K phải chịu án phí với số tiền 42.933.000 đồng (bốn mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba ngàn đồng), ông Khang có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Ông Danh Thanh H và bà Danh Thị Hồng D cùng có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền 31.458.000 đồng (ba mươi một triệu, bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng), ông, bà có nghĩa vụ nộp số tiền này.

5/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Nhuận